

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2005	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	13 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo Quyết định số 209/2003/QĐ -BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4613000077 ngày 16 tháng 7 năm 2004 cho phép thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ : 107.180.000.000 VND.

Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần Nhà nước chiếm 39,47%, do Ông Lê Quang Doanh, Bà Nguyễn Thị Kim Yến và Ông Bùi Quang Khôi làm đại diện.
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các cổ đông khác chiếm 60,53%.

Trụ sở hoạt động

Văn phòng Công ty

Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : 08.9690973

Số Fax : 08.9606814

Mã số thuế : 0301464823

Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ : Số 7 đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại : 08.8968465

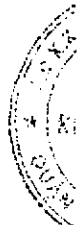
Số Fax : 0650.790396

Hoạt động chính của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc.
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất.
- Tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi và kho tàng.
- Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm 2005, Công ty tạm trích các quỹ và chia cổ tức như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển	23.687.582.827
- Quỹ dự phòng tài chính	2.378.100.000
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	6.844.846.000
- Chia cổ tức	13.933.400.000*

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2005 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	26 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	26 tháng 12 năm 2003	-
Ông Bùi Quang Khôi	Ủy viên	26 tháng 12 năm 2003	-
Bà Trang Thị Kiều Hậu	Ủy viên	26 tháng 12 năm 2003	-
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Ủy viên	26 tháng 12 năm 2003	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Thượng	Trưởng ban	26 tháng 12 năm 2003	-
Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Thành viên	26 tháng 12 năm 2003	-
Bà Đinh Thị Nguyệt Hà	Thành viên	26 tháng 12 năm 2003	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Doanh	Giám đốc	15 tháng 01 năm 2004	-
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Giám đốc	15 tháng 01 năm 2004	-

Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

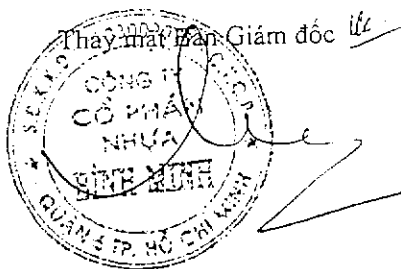
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Lê Quang Doanh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 4 năm 2006



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Branch in Ha Noi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang - Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City

- Tel.: (08) 8 272 295 - Fax: (84.8) 8 272 300
- Tel.: (04) 9 324 133 - Fax: (84.4) 9 324 133
- Tel.: (058) 876 555 - Fax: (84.58) 875 327
- Tel.: (071) 764 995 - Fax: (84.71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 2277/2006/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2005 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2005 của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2006, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Phan Vũ Công Bá
Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 Năm 2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		185.119.675.335	139.033.829.571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	VI.1	16.362.551.778	6.137.695.373
1. Tiền		111		16.362.551.778	6.137.695.373
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu		130		63.375.360.634	50.382.793.737
1. Phải thu của khách hàng		131	VI.2	51.662.202.997	36.429.017.261
2. Trả trước cho người bán		132		1.529.777.229	8.585.758.567
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		138	VI.3	10.296.023.128	5.500.660.629
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139		(112.642.720)	(132.642.720)
IV. Hàng tồn kho		140		103.311.257.405	80.046.279.833
1. Hàng tồn kho		141	VI.4	103.311.257.405	80.046.279.833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		2.070.505.518	2.467.060.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	-
2. Các khoản thuế phải thu		152	VI.5	2.013.637.433	2.451.281.201
3. Tài sản ngắn hạn khác		158	VI.6	56.868.085	15.779.427

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.343.874.572	103.516.118.405
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.393.207.323	77.927.336.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	63.393.207.323	77.927.336.516
<i>Nguyên giá</i>	222		180.991.225.229	172.017.363.837
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(117.598.017.906)	(94.090.027.321)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.8	30.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.920.667.249	25.588.781.889
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	20.920.667.249	25.588.781.889
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		269.463.549.907	242.549.947.976

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		83.995.172.563	107.265.737.330
I. Nợ ngắn hạn		310		71.993.569.563	83.134.134.330
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	5.978.000.000	58.476.773.300
2.	Phải trả cho người bán	312	VI.11	27.704.665.965	2.470.671.657
3.	Người mua trả tiền trước	313		501.423.189	113.337.299
4.	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.12	474.631.558	864.737.971
5.	Phải trả công nhân viên	315	VI.13	4.608.416.009	5.390.534.273
6.	Chi phí phải trả	316	VI.14	173.849.705	75.996.568
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.15	32.552.583.137	15.742.083.262
II. Nợ dài hạn		320		12.001.603.000	24.131.603.000
1.	Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	324	VI.16	12.001.603.000	24.131.603.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		185.468.377.344	135.284.210.646
I. Vốn chủ sở hữu		410		179.458.163.696	133.344.696.484
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.17	107.180.000.000	107.180.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6.	Quỹ đầu tư phát triển	416	VI.17	32.150.947.807	8.463.364.980
7.	Quỹ dự phòng tài chính	417	VI.17	3.889.415.176	1.511.315.176
8.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9.	Lợi nhuận chưa phân phối	419	VI.17	36.237.800.713	16.190.016.328
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		420		6.010.213.648	1.939.514.162
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	VI.18	6.010.213.648	1.939.514.162
2.	Nguồn kinh phí	422		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		269.463.549.907	242.549.947.976

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

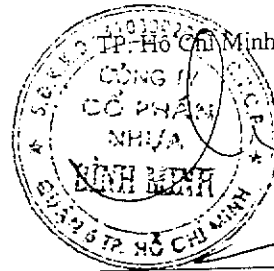
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		2.573,77	4.401,64
EUR		8.914,52	14.688,07
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		-	-



Trang Thị Kiều Hậu
Kế toán trưởng



Lê Quang Doanh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2006

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	423.166.371.611	338.639.969.248
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.19	388.879.256	292.655.916
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	422.777.492.355	338.347.313.332
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	326.397.354.679	279.711.464.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.380.137.676	58.635.848.733
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	574.908.267	569.130.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	4.360.835.016	3.231.075.866
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.870.970.650	3.088.169.239
8. Chi phí bán hàng	24		7.213.256.313	3.737.319.289
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	18.600.841.446	19.285.057.919
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.780.113.168	32.951.525.967
11. Thu nhập khác	31	VI.24	142.769.850	296.774.962
12. Chi phí khác	32		740.558	93.963.928
13. Lợi nhuận khác	40		142.029.292	202.811.034
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.922.142.460	33.154.337.001
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.12		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>66.922.142.460</u>	<u>33.154.337.001</u>



Trang Thị Kiều Hậu
 Kế toán trưởng



Lê Quang Doanh
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.922.142.460	33.154.337.001
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.7	23.552.008.585	30.070.568.347
- Các khoản dự phòng	03		(20.000.000)	132.642.720
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(124.983.300)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.24	(44.018.000)	(117.406.007)
- Chi phí lãi vay	06		3.870.970.650	3.088.169.239
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		94.281.103.695	66.203.328.000
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.465.229.258)	7.324.594.939
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.264.977.572)	(49.010.794.859)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		40.583.178.533	(11.604.426.466)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.668.114.640	(10.300.874.714)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.870.970.650)	(3.088.169.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(4.885.623.932)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.040.950.607	7.327.663.537
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.956.308.898)	(6.795.467.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		97.015.861.097	(4.829.770.676)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.093.021.392)	(31.242.786.957)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	203.160.000	210.563.310
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VI.8	(30.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(8.919.861.392)	(31.032.223.647)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH


Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

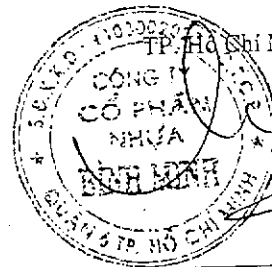
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VI.10	93.108.644.025	157.936.958.354
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VI.10, 16	(157.737.417.325)	(122.103.717.344)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.242.370.000)	(1.523.080.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(77.871.143.300)</u>	<u>34.310.161.010</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.224.856.405	(1.551.833.313)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	6.137.695.373	7.689.528.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	<u>16.362.551.778</u>	<u>6.137.695.373</u>


 Trang Thị Kiều Hậu
 Kế toán trưởng



Lê Quang Doanh
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2005

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến.
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; Tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi và kho tàng; Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 là năm tài chính thứ hai của Công ty kể từ khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được xác định khi đánh giá lại vốn thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần ưu đãi

Vốn cổ phần ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu trong trường hợp vốn không phải hoàn trả và việc chia cổ tức là không bắt buộc. Các khoản chia cổ tức được ghi nhận như là các khoản phân phối từ vốn chủ sở hữu.

Vốn cổ phần ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu vốn phải được hoàn trả vào một thời điểm cụ thể hoặc tùy theo lực chọn của cổ đông hoặc việc chia cổ tức là bắt buộc. Cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là chi phí tiền lãi.

Cổ phiếu mua lại

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu mua lại được phân loại là các cổ phiếu ngân quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty tự khai được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2005 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2005 như sau:

VAS 05	Bất động sản đầu tư
VAS 07	Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
VAS 08	Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh
VAS 21	Trình bày báo cáo tài chính
VAS 25	Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con
VAS 26	Thông tin về các bên liên quan

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm nay và các năm trước của Công ty.

Ngoài ra, trong năm Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng ban hành 5 chuẩn mực kế toán mới tại Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 28	Báo cáo bộ phận
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Tuy nhiên các chuẩn mực này chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện nên Công ty chưa áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tiền mặt	189.792.907
Tiền gửi ngân hàng	16.172.758.871	5.402.044.204
Cộng	16.362.551.778	6.137.695.373
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	6.696.261.000
Công ty TNHH Phương Hoàng	6.471.432.303	4.658.816.057
Cửa hàng Bùi Xuân Đường	6.337.663.331	4.205.452.500
Cửa hàng Tường Vân	2.921.381.154	3.007.693.591
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Kim Lợi	2.888.832.310	2.101.325.209
Công ty Công nghiệp Bình Dương	2.335.584.515	140.324.448
Doanh nghiệp tư nhân Vũ Điệp	2.114.970.969	1.673.983.409
Cửa hàng Minh Hát	2.077.816.667	775.184.669
Công ty TNHH nhựa Đức Thành	1.841.303.292	823.832.265
Công ty TNHH Xương Thế Siêu	1.530.500.941	-
Cửa hàng Lê Thị Hiền	1.134.199.698	1.814.199.062
Công ty điện nước An Giang	1.063.520.200	83.853.000
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tuyết	1.047.420.963	-
Các khách hàng khác	13.201.315.654	17.144.353.051
Cộng	51.662.202.997	36.429.017.261
3. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tạm ứng	76.071.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.800.678.974	3.689.896.445
Phải thu khác	6.419.273.154	1.772.564.184
Cộng	10.296.023.128	5.500.660.629
4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	Hàng mua đang đi trên đường	596.848.038
Nguyên liệu, vật liệu	55.359.729.752	38.065.091.323
Công cụ, dụng cụ	304.203.888	242.209.025
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.886.141.538	20.397.285.536
Thành phẩm	29.164.334.189	21.341.693.949
Cộng	103.311.257.405	80.046.279.833
5. Các khoản thuế phải thu		
Thuế GTGT còn được khấu trừ.		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản ngắn hạn khác
Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	31.358.650.829	135.986.796.084	3.958.569.156	713.347.768	172.017.363.837
Mua trong năm	-	6.478.744.725	-	427.656.997	6.906.401.722
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.270.619.670	-	-	-	2.270.619.670
Giảm khác	-	(203.160.000)	-	-	(203.160.000)
Số cuối năm	<u>33.629.270.499</u>	<u>142.262.380.809</u>	<u>3.958.569.156</u>	<u>1.141.004.765</u>	<u>180.991.225.229</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.951.021.910	72.690.209.093	2.859.711.945	589.084.373	94.090.027.321
Khấu hao trong năm	3.784.892.008	19.294.594.111	370.246.224	102.276.242	23.552.008.585
Giảm khác	-	(44.018.000)	-	-	(44.018.000)
Số cuối năm	<u>21.735.913.918</u>	<u>91.940.785.204</u>	<u>3.229.958.169</u>	<u>691.360.615</u>	<u>117.598.017.906</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.407.628.919	63.296.586.991	1.098.857.211	124.263.395	77.927.336.516
Số cuối năm	<u>11.893.356.581</u>	<u>50.321.595.605</u>	<u>728.610.987</u>	<u>449.644.150</u>	<u>63.393.207.323</u>

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 110.621.989.750 VND và 50.107.697.432 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.852.158.235 VND.

8. Đầu tư dài hạn khác
Khoản đầu tư mua công trái giáo dục.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong	
		năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	18.120.731.960	443.117.640	17.677.614.320
Lợi thế thương mại	7.468.049.929	4.224.997.000	3.243.052.929
Cộng	25.588.781.889	4.668.114.640	20.920.667.249

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	-	50.438.773.300
Vay dài hạn đến hạn trả	3.528.000.000	4.338.000.000
Vay các cá nhân	2.450.000.000	3.700.000.000
Cộng	5.978.000.000	58.476.773.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	50.438.773.300	89.258.644.025	-	(139.697.417.325)	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.338.000.000	-	3.528.000.000	(4.338.000.000)	3.528.000.000
Vay các cá nhân	3.700.000.000	3.850.000.000	-	(5.100.000.000)	2.450.000.000
Cộng	58.476.773.300	93.108.644.025	3.528.000.000	(149.135.417.325)	5.978.000.000

11. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty nhựa và hoá chất TPC Vina	26.251.856.290	-
Các nhà cung cấp khác	1.452.809.675	2.470.671.657
Cộng	27.704.665.965	2.470.671.657

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.477.034.449	8.477.034.449	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.231.769.090	10.231.769.090	-
Thuế xuất, nhập khẩu	774.522.210	3.404.331.195	4.178.853.405	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	1.078.500	1.078.500	-
Các loại thuế khác	90.215.761	838.240.984	453.825.187	474.631.558
Cộng	864.737.971	22.952.454.218	23.342.560.631	474.631.558

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh V.12.

Công ty tự khai đang trong thời gian miễn thuế nên chưa tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả công nhân viên

Công ty thực hiện chế độ lương khoán theo doanh thu. Đơn giá tiền lương năm 2005 được duyệt theo Quyết định số 131/QĐ-BM/TC/2005 ngày 03 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng quản trị là 65 đồng/1.000 doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	206.323.077	46.443.287
Bảo hiểm y tế	-	6.508.139
Kinh phí công đoàn	444.555.060	384.198.389
Cổ tức phải trả Bộ Công nghiệp	3.455.150.000	2.764.120.000
Vốn Nhà nước phải trả Bộ Công nghiệp	28.266.400.000	12.540.813.447
Các khoản phải trả, phải nộp khác	180.155.000	-
Cộng	<u>32.552.583.137</u>	<u>15.742.083.262</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để thanh toán tiền thuê đất và xây dựng kho với lãi suất 0,8%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định.	9.114.000.000	19.667.000.000
Vay các cá nhân	2.887.603.000	4.464.603.000
Cộng	<u>12.001.603.000</u>	<u>24.131.603.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay Ngân hàng	19.667.000.000	-	(7.025.000.000)	(3.528.000.000)	9.114.000.000
Vay các cá nhân	4.464.603.000	-	(1.577.000.000)	-	2.887.603.000
Cộng	<u>24.131.603.000</u>	<u>-</u>	<u>(8.602.000.000)</u>	<u>(3.528.000.000)</u>	<u>12.001.603.000</u>

17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	107.180.000.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	33.154.337.001
Trích các quỹ	-	8.463.364.980	1.511.315.176	(12.674.680.156)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(4.287.200.000)
Chi khác	-	-	-	(2.440.517)
Số dư cuối năm trước	<u>107.180.000.000</u>	<u>8.463.364.980</u>	<u>1.511.315.176</u>	<u>16.190.016.328</u>
Số dư đầu năm nay	107.180.000.000	8.463.364.980	1.511.315.176	16.190.016.328
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	66.922.142.460
Trích các quỹ	-	23.687.582.827	2.378.100.000	(32.910.528.827)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(13.933.400.000)
Chi khác	-	-	-	(30.429.248)
Số dư cuối năm nay	<u>107.180.000.000</u>	<u>32.150.947.807</u>	<u>3.889.415.176</u>	<u>36.237.800.713</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	42.303.000.000	42.303.000.000	-	69.103.000.000	69.103.000.000	-
Vốn góp cổ đông khác	64.877.000.000	64.877.000.000	-	38.077.000.000	38.077.000.000	-
Cộng	107.180.000.000	107.180.000.000	-	107.180.000.000	107.180.000.000	-

	Năm nay	Năm trước
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</i>		
Vốn góp đầu năm	107.180.000.000	107.180.000.000
Vốn góp cuối năm	107.180.000.000	107.180.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	<i>13.933.400.000</i>	<i>4.287.200.000</i>

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.071.800	1.071.800
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.071.800	1.071.800
- Cổ phiếu thường	1.071.800	1.071.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.071.800	1.071.800
- Cổ phiếu thường	1.071.800	1.071.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 100.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
 Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.302.376.239	5.700.000.000	(2.178.275.000)	4.824.101.239
Quỹ phúc lợi	637.137.923	1.593.960.000	(1.044.985.514)	1.186.112.409
Cộng	1.939.514.162	7.293.960.000	(3.223.260.514)	6.010.213.648

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	423.166.371.611	338.639.969.248
- Doanh thu bán thành phẩm	421.610.655.284	336.463.450.347
- Doanh thu bán nguyên liệu	1.555.716.327	2.176.518.901
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(388.879.256)	(292.655.916)
- Hàng bán bị trả lại	(388.879.256)	(292.655.916)
Doanh thu thuần	422.777.492.355	338.347.313.332
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	421.224.107.528	336.170.794.431
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	1.553.384.827	2.176.518.901

20. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	325.330.262.011	277.702.820.442
Giá vốn của nguyên liệu đã cung cấp	1.051.313.241	2.008.644.157
Xử lý hàng thiếu kiểm kê	15.779.427	-
Cộng	326.397.354.679	279.711.464.599

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	468.375.467	270.752.735
Lãi cho nhân viên vay	106.532.800	166.025.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	132.351.973
Cộng	574.908.267	569.130.308

22. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.870.970.650	3.088.169.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá	489.864.366	142.906.627
Cộng	4.360.835.016	3.231.075.866

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.648.301.506	7.263.302.553
Chi phí dụng cụ quản lý	735.819.328	2.050.739.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.877.750	4.898.865.855
Chi phí thuê và lệ phí	270.235.916	4.078.500
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(20.000.000)	132.642.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.000.947.899	440.884.661
Chi phí khác	4.642.659.047	4.494.543.897
Cộng	<u><u>18.600.841.446</u></u>	<u><u>19.285.057.919</u></u>

24. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý TSCĐ	44.018.000	210.563.310
Thu nộp phạt trễ hợp đồng	19.592.800	50.590.000
Thu khác	79.159.050	35.621.652
Cộng	<u><u>142.769.850</u></u>	<u><u>296.774.962</u></u>

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	305.727.793.524	271.831.743.374
Chi phí nhân công	28.698.043.924	22.716.770.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.552.008.585	29.995.066.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.579.090.803	9.324.682.201
Chi phí khác bằng tiền	13.948.098.304	11.148.965.523
Cộng	<u><u>384.505.035.140</u></u>	<u><u>345.017.228.763</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung lưu chuyển tiền tệ
Trong năm, Công ty mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ với số tiền là 84.000.000 VND.


2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	68,70	57,32
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	31,30	42,68
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,17	44,22
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,83	55,78
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,21	2,26
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,57	1,67
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,23	0,07
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	15,83	9,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	15,83	9,80
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	24,84	13,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	24,84	13,67
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	37,29	24,86



Trang Thị Kiều Hậu
Kế toán trưởng




Lê Quang Doanh
Giám đốc